

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 19 tháng 12 năm 2019
V/v “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ và bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019, về việc “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Ksor S, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Ksor S tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 25/02/2009, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ksor S hay uống rượu, bỏ đi khỏi nhà, không chịu làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 03 năm 2019 cho đến nay, không có bất cứ liên lạc gì. Trong quá trình sống ly thân, gia đình bên chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng đều không thành. Chị M thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh Ksor S nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Chị Lê Thị M và anh Ksor S có 02 con chung là cháu Ksor Đ, sinh ngày 15/7/2009 và cháu Ksor Lê L, sinh ngày 13/12/2015. Chị Lê Thị M yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Ksor S cấp dưỡng nuôi con, vì anh Ksor S nghiện rượu, đã bỏ đi lang thang, không có nghề nghiệp và hay đánh con. Chị M có nghề nghiệp là thợ làm tóc và thu nhập từ vườn cà phê, mỗi tháng trên 10.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Ksor S vắng mặt, không có ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn là đảm bảo, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Ksor S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt.

[2] Chị Lê Thị M và anh Ksor S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị M: Theo chị M trình bày, trong quá trình sinh sống anh Ksor S thường xuyên uống rượu, bỏ đi khỏi nhà, không lo làm ăn, không lo cho gia đình; đã sống ly thân từ tháng 03/2019 cho đến nay. Anh S đã được thông báo về nội dung khởi kiện, cùng với việc tổng đạt đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo nhưng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn hôn nhân như chị M đã trình bày là đúng. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh S có mâu thuẫn, đã kéo dài, không còn chung sống, quan tâm, chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình nên mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị M: Xét chị M có nghề nghiệp, thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi con, anh S thường bỏ đi khỏi nhà, không có ý kiến phản đối, các con hiện đang chung sống với chị M và phù hợp với nguyện vọng của cháu Đạt. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con của chị M theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị M và anh Ksor S.

2. Về con chung: Chị Lê Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ksor Đ, sinh ngày 15/7/2009 và cháu Ksor Lê L, sinh ngày 13/12/2015 cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Ksor S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ksor S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi chị Lê Thị M không đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005772 ngày 24/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- UBND thị trấn Ia Kha;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*đã ký tên, đóng dấu*)
Nguyễn Văn Huy